TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BG** **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 4 năm 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Vượng;
2. Bà Hoàng Thị Hồng.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2022, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 2001.
Hộ khẩu thường trú: Số 01, ngách 02, ngõ 112 đường LVM, phường TX, thành phố BG, tỉnh BG.
*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Số 10, ngõ 164 đường CKV, phường TX, thành phố BG, tỉnh BG.
(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn L tại UBND phường TX, thành phố BG vào ngày 18/5/2021. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ngay tại tổ dân phố Cung Nhượng 1, phường TX, thành phố BG. Ngay từ thời gian đầu chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu tháng 12 năm 2021, chị và anh L nhiều lần cãi vã về các vấn đề liên quan đến công việc, sinh hoạt, nuôi dạy con. Chị xác định vợ chồng ly thân từ cuối tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Chị nhận

thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là Nguyễn D A, sinh ngày 17/8/2021. Hiện con chung phát triển bình thường, đang ở cùng chị tại Tổ dân phố Tiền, phường TX, thành phố BG. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ, Bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Nguyễn Thị V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/5/2021 tại UBND phường TX, thành phố BG, tỉnh BG. Quá trình chung sống, vợ chồng có một số mâu thuẫn nhưng anh xác định chưa đến mức trầm trọng. Thêm nữa, do con chung còn quá nhỏ, nên anh không đồng ý ly hôn chị V.

Trường hợp chị V vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn D A, sinh ngày 17/8/2021. Con chung đang ở cùng chị V tại Tổ dân phố Tiền, phường TX, thành phố BG. Hiện con chung còn nhỏ, anh để chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 24/3/2022 tại tổ dân phố Cung Nhượng 1, phường TX, thành phố BG, được cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị V có đăng ký kết hôn hợp pháp với anh Nguyễn Văn L là công dân tổ dân phố Cung Nhượng 1. Quá trình chung sống, chị V và anh L có mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, chị V và anh L đã sống ly thân khoảng hơn 03 tháng nay. Chị V yêu cầu được ly hôn anh L, đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

** Tại phiên toà hôm nay:*

Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn L, yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn D A.

Bị đơn - Anh Nguyễn Văn L vắng mặt lần hai dù được triệu tập hợp lệ.

**Hội đồng xét xử công bố toàn bộ tài liệu chứng cứ và các lời khai có trong hồ sơ vụ án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật

Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Giao chị V nuôi dưỡng con chung Nguyễn D A, sinh ngày 17/8/2021. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường TX, thành phố BG, tỉnh BG. Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 18/5/2021 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TX, thành phố BG, tỉnh BG và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị V xác định sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Chị và anh L ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải cho anh chị, tuy nhiên, kể từ khi chị V nộp đơn khởi kiện cho đến nay, chị và anh L vẫn xác nhận đã ly thân, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn D A, sinh ngày 17/8/2021. Chị V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của anh chị hiện dưới 36 tháng tuổi, chị V có nơi ở ổn định, có việc làm và thu nhập đủ điều kiện nuôi con, do vậy cần thiết giao cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi trong con trường hợp các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn D A, sinh ngày 17/8/2021. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001316 ngày 05/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP. BG;
- CCTHADS TP. BG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND p.TX, TP. BG, tỉnh BG;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**